

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2019/HC -PT
Ngày: 26- 02 - 2019
V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý thuế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

*Các thẩm phán:*1. Bà Lê Thị Tùng.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên .

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:04/2018/TLPT-HC ngày 12/12/2018 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2018/HC-ST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:01/2019/QĐPT-HC ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Tô Th; địa chỉ: 131 Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chi cục Thuế, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H – Chức vụ: Phó Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 90 A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B là: Ông Nguyễn Tấn L – Chức vụ: Trưởng bộ phận đăng ký thông kê; địa chỉ: 01 B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhật N – Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B; địa chỉ: 01 B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị Thanh T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Ông Nguyễn Tiến C; cùng địa chỉ: 131 Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Tô Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017, các bản khai và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Tô Th trình bày:

Ông Nguyễn Tô Th nguyên là cán bộ công an tỉnh Đắk Lắk. Vào năm 1982, Ủy ban nhân dân phường TL có đặt vấn đề với Ban quản trị Hợp tác xã nông nghiệp T1 cấp cho ông Th 01 lô đất để làm nhà ở. Năm 1984, ông Th có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân thị xã để hợp thức hóa đúng quy định pháp luật tại thời điểm đó. Đơn xin cất nhà ở và đất thổ cư được chủ nhiệm HTX T1, Ủy ban nhân dân phường TL xác nhận và UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk do ông Phạm Văn H1 - phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã BMT ký ngày 12/04/1984. Gia đình ông Th ở từ đó đến nay ổn định, hàng năm thực hiện nghĩa vụ thuế nhà đất theo quy định.

Ngày 06/4/2016, ông Th nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại Chi chánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B (CNVPĐKĐĐ) với diện tích 300 m² theo quy định pháp luật.

Ngày 24/5/2017 Chi cục Thuế thành phố B ban hành thông báo số 4939/TB-CT-CCT theo đó gia đình ông Th phải nộp tiền sử dụng đất là 840.000.000 đồng và tiền nộp phí trước bạ là 10.905.000 đồng.

Ngày 26/5/2017 gia đình ông Th nhận được thông báo thuế nêu trên do không xem xét kỹ nên ông Th đã làm đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính.

Ngày 20/6/2017, ông Th, bà T được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 612105.

Sau khi xem xét lại, ông Th thấy việc Chi cục Thuế thành phố B xác định gia đình ông Th phải nộp thuế sử dụng đất là không đúng vì ông đã được cơ quan chức

năng của Nhà nước cấp đất trước ngày 15/10/1993, ông đã ở ổn định trên đất từ năm 1984, không có tranh chấp hoặc thông báo di dời, giải tỏa nên chỉ phải nộp tiền lệ phí trước bạ chứ không phải đóng thuế sử dụng đất.

Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB - CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B V/v nộp tiền sử dụng đất.

Đại diện Người bị kiện Chi cục Thuế thành phố B là ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ngày 08/5/2017, Chi cục Thuế thành phố B nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đối với lô đất của ông Nguyễn Tô Th, cụ thể:

- Thửa đất số 9; tờ bản đồ số 30.
- Địa chỉ tại: Phường TL, thành phố B, Đắk Lắk.
- Loại đường, khu vực: Đường Y, đoạn P C T đến hội trường Tổ dân phố 6a, phường T L;
- Vị trí: Đất trồng cây lâu năm - vị trí 2 (Tổ dân phố 6) thuộc quy hoạch đất ở.
- Diện tích thửa đất: 1.500,2m²; Sử dụng riêng: 1.500,2m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 300m² (Theo cam kết ngày 25/4/2017)
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị 300m², đất trồng cây lâu năm: 1.200,2m²
- Thời hạn sử dụng đất: Có thời hạn đến ngày 01/7/2064
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng.
- Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ năm 1984
- Đối tượng thuộc diện phải nộp tiền sử dụng đất theo trường hợp: Theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, kèm theo hồ sơ theo quy định.

Hồ sơ, tài liệu lưu giữ tại Chi cục Thuế thành phố B liên quan tới Thông báo nghĩa vụ tài chính như sau: Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 1708552/2017/PCTTĐC ngày 08/5/2017, Biên bản kiểm tra nguồn gốc đất ngày 18/4/2017. Đơn xin đất cất nhà ở của ông Nguyễn Tô Th ngày 26/3/1984, Hợp đồng mua bán điện sinh hoạt số 00A111041, Tờ khai tiền sử dụng đất; Tờ khai lệ phí trước bạ, nhà đất, đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 06/4/2016, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất, Giấy cam kết ngày 25/4/2017, trích lục bản đồ địa chính

ngày 08/5/2017. Bảng xác định giá trị bất động sản và tính thuế của Chi cục Thuế; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB - CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B .

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH, Luật đất đai số 45/2013/QH 13 ngày 29/11/2013, điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, các hồ sơ, tài liệu có liên quan và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Chi cục Thuế đã tính và ra thông báo tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với thửa đất của ông Th như sau:

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB - CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B với số tiền sử dụng đất ông Th phải nộp là: 840.000.000 đồng.

- Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà, đất ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B với số tiền lệ phí trước bạ ông Th phải nộp là: 10.905.000 đồng.

Sau khi nhận thông báo thuế thì ông Nguyễn Tô Th đã có đơn đề nghị Chi cục Thuế ghi nợ nghĩa vụ tài chính đề ngày 07/6/2017.

Như vậy, Chi cục thuế đã phát hành thông báo trên là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ pháp lý.

Nay ông Nguyễn Tô Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB - CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B thì Chi cục Thuế thành phố B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Sau khi Chi nhánh VPĐKĐĐ Thành phố B nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tô Th, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xét thấy: Diện tích đất của ông Nguyễn Tô Th xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B cấp đất làm nhà ở cho ông Th năm 1984, ông Th làm nhà ở từ năm 1984 đến nay, thể hiện tại biên bản kiểm tra nguồn gốc sử dụng đất ngày 18/4/2017 của UBND phường T L, và đơn xin đất cất nhà ở được UBND thị xã B xác nhận ngày 12/4/1984 của ông Nguyễn Tô Th có nội dung trình bày: “UBND phường TL và tập đoàn khối 5 thấy điều kiện của tôi đã cho tôi diện tích đất là 1 sào 3”.

Căn cứ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tô Th; hồ sơ thẩm định do UBND phường TL đối với lô đất của ông Nguyễn Tô Th. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B có nghĩa vụ xác định nguồn gốc đất, vị trí, diện tích đất, lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên và chuyển Chi cục Thuế thành phố, còn việc xác định mức, số tiền cụ thể phải nộp là bao nhiêu thì do Chi cục thuế xác định. Còn về việc xác định nguồn gốc đất là do Ủy ban nhân dân phường kiểm tra, xác minh theo quy định theo quy định khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định số: 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 mục V Quyết định số: 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước đã lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên và chuyển Chi cục Thuế thành phố để xác định nghĩa vụ tài chính.

Sau khi nhận được thông báo nộp thuế đối với số tiền sử dụng đất là 840.000.000đồng, ông Nguyễn Tô Th đã làm đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính, ngày 20/6/2017 do đó UBND thành phố B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 612105 cho hộ ông Nguyễn Tô Th theo quy định.

Nay ông Th khởi kiện yêu cầu hủy thông báo nộp thuế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BMT đã làm đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì thêm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố B:

Ngày 25/4/2017, ông Nguyễn Tô Th nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 9; Tờ bản đồ số 30, diện tích 1.500,2m² trong đó: 300m² đất ở còn lại là đất nông nghiệp, tọa lạc tại Phường TL, thành phố B, Đắk Lắk.

Về nguồn gốc đất: Được thể hiện trong hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th do UBND phường T L lập. Căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên và chuyển Chi cục Thuế thành phố BMT xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Ngày 24/5/2017 Chi cục Thuế thành phố B phát hành thông báo số 4939/TBB-CCT đối với thửa đất trên cho ông Nguyễn Tô Th.

Ngày 20/6/2017 UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI612105 đối với thửa đất trên cho hộ ông Nguyễn Tô Th. Việc UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Th là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh T là ông Nguyễn Tiến C trình bày: Ông thống nhất với nội dung mà ông Nguyễn Tô Th đã trình bày. Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu Tòa án hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB - CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B, ngoài ra không có ý kiến gì bổ sung.

Tại bản án số 06/2018/HCST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 31; khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật TTHC năm 2015.

- Căn cứ khoản 1,2,3 Mục I; khoản 2 Mục V Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước

- Căn cứ Điều 100; khoản 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điểm c khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 43/2014/QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của UBND Tỉnh Đắk Lắk “Về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2015”; Điều 6; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tô Th: Về việc yêu cầu hủy Thông báo số 4939/TB – CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B V/v nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 30 tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 08/10/2018, ông Nguyễn Tô Th làm đơn kháng cáo với nội dung: Việc ông xin cấp đất và được UBND phường TL, thành phố B cấp đất theo đúng quy định của pháp luật, do đó theo quy định thì khi gia đình ông xin cấp GCN QSD đất không phải đóng thuế sử dụng đất mà chỉ phải đóng thuế trước bạ. Vì vậy, ông đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy Thông báo số 4939/TB – CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B V/v nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 30 tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và các đương sự thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của ông Th là không có cơ sở để xem xét. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Th – Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tô Th về yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB – CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B, thấy rằng:

[1.1] Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Th thì có thể xác định được nguồn gốc thửa đất của ông Th bắt nguồn do UBND phường TL cấp đất làm nhà ở cho hộ ông Th vào năm 1984, cùng năm gia đình ông Th đã làm nhà ở và sử dụng ổn định đến nay. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1,2,3 Mục I và khoản 2 Mục V Nghị định 201- CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thì thẩm quyền giao đất để sử dụng từ 2 héc ta trở xuống hoặc phải di dân từ 20 hộ trở xuống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Như vậy, vào năm 1984 UBND phường TL không có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân. Do đó, trường hợp ông Nguyễn Tô Th thuộc trường hợp giao đất để sử dụng không đúng thẩm quyền.

[1.2] Mặt khác, đến ngày 06/4/2016 ông Th mới nộp hồ sơ xin cấp GCN QSD lần đầu đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đối với thửa đất trên (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 30 tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) với diện tích 1.500 m² (trong đó có 300 m² và 1.200 m² đất trồng cây lâu năm). Cho nên, việc cấp GCN QSD đất và thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng

đất cho hộ gia đình ông Th được áp dụng theo quy định của Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn áp dụng Luật đất đai 2013. Theo quy định tại khoản 21 Điều 3 Luật đất đai 2013 thì “Tiền sử dụng đất là số tiền mà người sử dụng đất phải trả cho Nhà nước khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”. Bên cạnh đó, ông Th không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc ông Th đã nộp tiền để được sử dụng đất mà ông Th chỉ cung cấp được các hóa đơn thu thuế nhà, đất từ năm 1998 đến năm 2017 (từ bút lục 01 đến bút lục 16).

Từ phân tích tại mục [1.1] và [1.2] có thể xác định: Hộ gia đình ông Th thuộc trường hợp công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004 và sử dụng đất có nhà ở ổn định từ trước ngày 15/10/1993, không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất. Do đó, việc thu tiền sử dụng đất khi cấp GCN QSD đất cho ông Th được thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, theo đó hộ ông Th phải nộp 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hộ ông Th xin công nhận 300 m² đất ở là trong hạn mức giao đất ở tại địa phương. Chính vì vậy, Chi cục Thuế thành phố B căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH, Luật đất đai số 45/2013/QH 13 ngày 29/11/2013, điểm c khoản 1 điều 8 của Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, các hồ sơ, tài liệu có liên quan và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 4939/TB – CCT ngày 24/5/2017 theo đó ông Nguyễn Tô Th phải nộp số tiền sử dụng đất là: 840.000.000 đồng và số tiền lệ phí trước bạ là 10.905.000 đồng đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 30 tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tô Th mà cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Nguyễn Tô Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tô Th.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HCST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Áp dụng khoản 1,2,3 Mục I; khoản 2 Mục V Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; Điều 100; khoản 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất ; điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính ; Quyết định số 43/2014/QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của UBND Tỉnh Đắk Lắk “Về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2015”; điều 6; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tô Th: Về việc yêu cầu hủy Thông báo số 4939/TB – CCT ngày 24/5/2017 của Chi cục Thuế thành phố B về việc nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 30 tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tô Th phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số AA/2017/0008275 ngày 12/10/2018 do ông Nguyễn Tiến C nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHA Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu Vp; lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân